TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐƠN DƯƠNG** TỈNH LÂM ĐỒNG	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 114/2020/QĐST - DS	*Đơn Dương, ngày 24 tháng 11 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 3 Điều 36, khoản 1 Điều 39, các Điều 146, 147, 212, 213 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 2 Điều 357 và các Điều 463, 466, 470 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 26 của Luật thi hành án dân sự;

Căn cứ Điều 2 Luật người cao tuổi năm 2009.

Căn cứ Điều 12, 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 16 tháng 11 năm 2020 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 232/2020/TLST - DS ngày 03 tháng 11 năm 2020.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1.Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: bà Nguyễn Thị T, sinh năm: 1957; địa chỉ: 000 thôn K, xã T, huyện Đơn Dương, tỉnh Lâm Đồng.

Bị đơn: Ông Nguyễn Ngọc D, sinh năm: 1978 và bà Tạ Thị B, sinh năm: 1981; Địa chỉ: Thôn Đ, xã T, huyện Đơn Dương, tỉnh Lâm Đồng.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1. Vợ chồng Ông Nguyễn Ngọc D và bà Tạ Thị B và có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Nguyễn Thị T số tiền 310.000.000đ (Ba trăm mười triệu đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có

đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí: Ông Nguyễn Ngọc D và bà Tạ Thị B nhận chịu 7.750.000đ (B triệu B trăm năm mươi nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm. Theo quy định Điều 2 Luật Người cao tuổi năm 2009 thì bà Nguyễn Thị T là người cao tuổi (sinh năm 1957) và theo quy định tại Điểm đ Điều 12 và Điều 14 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc Hội nên được miễn toàn bộ tiền tạm ứng án phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *Tòa án tỉnh;*
- *VKS huyện;*
- *Các đương sự;*
- *THA DS.*
- *Lưu HS, AV*

THẨM PHÁN

Lê Đình Anh Vũ